TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông **Võ Văn Hải**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Ràng**
Ông **Nguyễn Chung**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Oai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Bảo Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2018/HNGĐ ngày 24/01/2018 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/HNGĐ ngày 22/3/2018 và Quyết định hoãn phiên số 33/2018/HPT-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giữa:

- *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị M –** Sinh năm: 1976
Địa chỉ: Thôn T S, xã N X, thị xã N H, tỉnh Kh H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy Q** − Sinh năm: 1973
Địa chỉ: Tổ dân phố H Th, phường N Đ, thị xã N H, tỉnh Kh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày*:** Tôi và và ông Nguyễn Duy Q kết hôn năm 2002 tại UBND xã N Ph, thị xã N H, tỉnh Kh H. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa tôi và ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, thường xuyên kình cãi, ông Q thường xuyên xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của tôi. Mặc dù tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không được. Nay cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm của tôi dành cho ông Nguyễn Duy Q không còn nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Q. Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Duy Q có 02 chung là Nguyễn Duy V – sinh ngày 20/5/1997 và Nguyễn Duy L – sinh ngày 28/10/2000. Cháu Nguyễn Duy V đã trưởng thành nên muốn ở với ai thì tùy cháu, nếu ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng

cháu L và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy Q trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Duy Q để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của ông Q và không tiến hành hòa giải được vụ án.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Duy Q đã được tòa tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị M và cho bà Trần Thị M được ly hôn ông Nguyễn Duy Q.

+ Về con chung: bà Trần Thị M và ông Nguyễn Duy Q có 02(hai) con chung Nguyễn Duy V – sinh ngày 20/5/1997 và Nguyễn Duy L – sinh ngày 28/10/2000. Cháu Nguyễn Duy V đã trưởng thành nên muốn ở với ai thì tùy cháu. Hiện nay cháu Nguyễn Duy L đang ở với mẹ và cháu L có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi tròn 18 tuổi. Bà Trần Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Ông Nguyễn Duy Q được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: bà Trần Thị Mới không yêu cầu nên không xét. Tại phiên tòa ông Nguyễn Duy Q đã được tòa tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

+ Về án phí: bà Trần Thị M phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Duy Q đã được tòa tống đạt, niêm yết giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Nguyễn Duy Q vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Nguyễn Duy Q theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp**:** Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm.

2.1.Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M và ông Nguyễn Duy Q có đăng ký kết hôn vào năm 2002 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã N Ph cấp. Do vậy, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn và không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay. Nguyện vọng của bà Trần Thị M xin được ly hôn ông Nguyễn Duy Q. Còn ông Nguyễn Duy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng ông Q vắng mặt nên không thể hỏi ý kiến trình bày và nguyện vọng của ông Q được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Duy Q đã được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị M và ông Nguyễn Duy Q đã không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay cho nên xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị M là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2.Về con chung: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Duy Q có 02 chung là Nguyễn Duy V – sinh ngày 20/5/1997 và Nguyễn Duy L – sinh ngày 28/10/2000. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Duy V đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai thì tùy cháu nên không xem xét. Còn đối với cháu Nguyễn Duy L –sinh ngày 28/10/2000 theo nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ và hiện nay cháu L đang ở với bà M nên cần giao cháu Nguyễn Duy L – sinh ngày 28/10/2000 cho bà Trần Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Bà Trần Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Duy Q cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Ông Nguyễn Duy Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3.**Về tài sản chung:** bà Trần Thị M không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét. Tại phiên tòa ông Nguyễn Duy Q vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M.

1.1 Về quan hệ hôn nhân**:** bà Trần Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Duy Q.

1.2 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy L –sinh ngày 28/10/2000 cho bà Trần Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tròn 18 tuổi. Bà Trần Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Duy Q cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Duy Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung: bà Trần Thị M không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Duy Q vắng mặt nên cần tách yêu cầu chia tài sản ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

2/ Về án phí: bà Trần Thị M phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003588 ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Nên bà Trần Thị M đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Võ Văn Hải

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Phú, tx Ninh Hòa (GCNKH ngày 27/12/2002);
- Chi cụcTHADS tx Ninh Hòa;
- Lưu HS.